

## TỜ TRÌNH

### Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của các ngành, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

#### 1. Căn cứ pháp luật đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt.

## **2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đến tháng 8 năm 2023.**

*2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt:*

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 3.991,11 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha.
- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 2,03 ha.

*2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến tháng 8 năm 2023*

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích: 18,47 ha;

*(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)*

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án đầu tư như: lập, phê duyệt dự án đầu tư; bố trí nguồn vốn đầu tư; lập quy hoạch chi tiết; lập, phê duyệt dự toán thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; xin giấy phép xây dựng; các thủ tục về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng rừng... không thực hiện hoàn thành trong một năm mà có trường hợp kéo dài nhiều năm mới hoàn thành thủ tục pháp lý triển khai dự án đầu tư.

## **3. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.**

Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Bổ sung, điều chỉnh 15 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích 31,44 ha, trong đó: 3,04 ha đất trồng lúa và 28,40 ha các loại đất khác, cụ thể:

1. Bổ sung mới 03 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 01 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 1,03 ha, trong đó: 0,42 ha đất trồng lúa và 0,61 ha các loại đất khác. ✓

2. Điều chỉnh 12 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 08 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013), cụ thể:

- Diện tích trước điều chỉnh là 31,40 ha, bao gồm: 2,70 ha đất trồng lúa và 28,70 ha các loại đất khác.

- Diện tích sau điều chỉnh là 30,41 ha (*giảm 0,99 ha*), bao gồm: 2,62 ha đất trồng lúa (*giảm 0,08 ha*) và 27,79 ha các loại đất khác (*giảm 0,91 ha*).

\*. Lý do bổ sung, điều chỉnh: Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, các quy định của pháp luật và có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng khi đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất diện tích có sai khác, một số dự án có sai sót địa điểm thực hiện dự án, vì vậy cần điều chỉnh để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với thực tế.

(Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT và NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN và MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**

**BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN DÀ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**  
(Kèm theo Tờ trình số: **1323** /TT-UBND ngày **26** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)										Đất rừng đặc dụng (ha)		Chi chi (Chiếm, chiếm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó										Trong đó										Toàn tỉnh	Trong đó Huyện Lệ Thủy	
		Toàn tỉnh	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	Toàn tỉnh	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0		
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																							
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																							
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0		
2	Kết quả thực hiện	18,47	1,94	8,94	4,09	0,20	0,56	2,74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	18,47	1,94	8,94	4,09	0,20	0,56	2,74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	3.470,56	540,46	348,02	502,31	1.021,30	532,55	386,45	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 0.3a, 0.3b, 0.3c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1915 /TTtr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện		Trong đó		Toàn huyện		Toàn huyện		
		Xã Xuân Thủy	TT NT Lệ Ninh	Các xã, thị trấn còn lại	Toàn huyện	Toàn huyện				
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	542,40	23,71	478,92	161,59	2,03	Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lệ Thủy			
2	Kết quả thực hiện	1,94	0,45	1,49						
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	1,94	0,45	1,49			<ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMĐSDĐ và giao đất cho UBND xã Xuân Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy.</li> <li>* Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất cho thuê thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Lệ Ninh tại TT Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy.</li> <li>* Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất cho thuê thực hiện Dự án trạm kinh doanh xăng dầu kết hợp dịch vụ tổng hợp Lệ Ninh tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy.</li> </ul>			
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	540,46	22,22	478,92	161,59	2,03				

STT	Hạng mục	Đất rừng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chú chú (Chi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó										
		Toàn huyện	Xã Vĩnh Ninh	Xã Lương Ninh	Xã Vạn Ninh	Xã Duy Ninh	Xã An Ninh	thị trấn Quán Hâu	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	356,96	22,16	89,33	6,18	8,84	20,90	19,43	190,12	24,04		Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	8,94	0,96	1,81	2,25	0,29	0,28	3,35				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chỉ trong đầu tư											
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chỉ trong đầu tư											
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất											
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	8,94	0,96	1,81	2,25	0,29	0,28	3,35				<ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 3);</li> <li>* Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và cho Công ty xăng dầu Quảng Bình thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng cửa hàng xăng dầu Lương Ninh tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.</li> <li>* Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 23/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho TTKT phát thanh hình thực hiện DA nâng cấp, di dời cơ sở vật chất, hạ tầng và thiết bị phát sóng, phát thanh tại đất phát sóng, phát thanh Đồng Hới tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.</li> <li>* Quyết định 794/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Mọc Sạch, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh.</li> <li>* Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý tại xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh.</li> <li>* Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà để thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại tại vùng Rừng Nhứt, thị trấn Quán Hâu, huyện Quảng Ninh (Đợt 1);</li> <li>* Quyết định 2126/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Hoàn Vinh tại xã An Ninh, huyện Quảng Ninh.</li> </ul>
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại											
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện											
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	348,02	21,20	87,52	3,93	8,55	20,62	16,08	190,12	24,04		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TÓNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH  
(Kèm theo Tờ trình số: 1913 TT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Chi chiú (Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thành phố	Trong đó			Toàn thành phố	Toàn thành phố	Toàn thành phố		
			Phường Bắc Nghĩa	Xã Lộc Ninh	Phường Bắc Lý				Xã Đức Ninh	
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	506,40	86,11	64,91	65,30	78,88	211,20	0	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới	
2	Kết quả thực hiện	4,09	0,02	1,60	0,08	2,39	0	0		
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,09	0,02	1,60	0,08	2,39	0		<ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMB SDD và giao đất cho Sở Văn hóa Thể thao thực hiện dự án Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 1);</li> <li>* Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMB SDD và cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung thuê đất để thực hiện dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV từ TBA 220KV Đồng Hới- TBA 110KV Đồng Hới tại phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới;</li> <li>* Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMB SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TDP 9 tại phường Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2);</li> <li>* Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMB SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở khu vực Đồng Bình Bôn tại xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2).</li> </ul>	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	502,31	86,09	63,31	65,22	76,49	211,20			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG  
THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **1923** TT/-UBND ngày **16** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)			Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó Xã Hà Trạch	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.021,50	59,86	961,64	24,03		Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch
2	Kết quả thực hiện	0,20	0,20				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư						
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư						
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất						
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	0,20	0,20				Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDB để đầu giá cho thuê quyền sử dụng đất thực hiện Dự án cửa hàng xăng dầu Hà Trạch tại xã Hà Trạch, huyện Bố Trạch
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại						
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện						
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.021,30	59,66	961,64	24,03		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TONG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **4913** /TTTr-UBND ngày **16** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)			Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Phường Quảng Phong	Trong đó Các xã, phường còn lại	Toàn thị xã	Toàn thị xã	Toàn thị xã		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	52,60	480,51	97,00		Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn		
2	Kết quả thực hiện	0,56	0,56						
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư								
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư								
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất								
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	0,56	0,56				Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình và cho Công ty TNHH Tiên Phong thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư trung tâm Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Tiên Phong tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn.		
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại								
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện								
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 - 3)	532,55	52,04	480,51	97,00				

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TÔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG  
 THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐƠN, TỈNH QUẢNG BÌNH  
 (Kèm theo Tờ trình số: 1913 /TT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)			Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Trong đó Phường Quảng Phong	Các xã, phường còn lại			
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	52,60	480,51	97,00		Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	0,56	0,56				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư						
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư						
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất						
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	0,56	0,56				Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMD SDD và cho Công ty TNHH Tiên Phong thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư trung tâm Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Tiên Phong tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại						
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện						
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	532,55	52,04	480,51	97,00		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **1011** /TT-UBND ngày **16** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)					Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Xã Quảng Phú		Xã Quảng Đông				
			Các xã còn lại	Trong đó	Các xã còn lại				
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	389,19	73,12	77,06	239,01	22,14		Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch	
2	Kết quả thực hiện	2,74	2,56	0,18					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư								
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư								
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất								
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2,74	2,56	0,18				* Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMĐ SDD và giao đất cho UBND xã Quảng Phú quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lành, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch. * Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc CMĐ SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới tại thôn Đông Hưng, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch.	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại								
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện								
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	386,45	70,56	76,88	239,01	22,14			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TÔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG  
THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYẾN HÒA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **1923** /TT-UBND ngày **26** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)			Ghi chú (Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	82,06	41,78		Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	82,06	41,78		

**BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số: **1923** /TTT-UBND ngày **16** tháng **01** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	57,41	76,70		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	57,41	76,70		

**Phụ lục 1**  
**BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Kèm theo Tờ trình số: **1012** /TT-UBND ngày **16** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án			Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
<b>A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ</b>									
<b>I</b>	<b>Huyện Lệ Thủy</b>				<b>0,46</b>	<b>0,42</b>		<b>0,04</b>	
1	Đất ở nông thôn xã Mỹ Thủy	Mỹ Thủy	Lệ Thủy		0,46	0,42		0,04	Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Mỹ Thủy
<b>B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)</b>									
<b>I</b>	<b>Huyện Lệ Thủy</b>				<b>0,49</b>			<b>0,49</b>	
1	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy		0,49			0,49	Quyết định số 2483/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Cam Thủy
<b>II</b>	<b>Huyện Bố Trạch</b>				<b>0,08</b>			<b>0,08</b>	
1	Đất ở khu vực thôn 1 xã Hạ Trạch	Hạ Trạch	Bố Trạch		0,08			0,08	Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch
<b>Tổng</b>					<b>1,03</b>	<b>0,42</b>		<b>0,61</b>	

Ghi chú: 03 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

**Phụ lục 2**  
**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**  
*(Kèm theo Tờ trình số: 19/LĐ TT-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	<b>Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022</b>	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		16,54	1,68	14,86		
1	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã, từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		12,40		12,40		Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình (Dự án 4, Tiêu dự án 1.7)
2	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 22kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	TTNT Lê Ninh; Kim Thủy; Phú Thủy, Trương Thủy Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		2,13	0,40	1,73		Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;
3	Đất ở tại nông thôn xã Thái Thủy	Thái Thủy Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,25		0,25		Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Thái Thủy
4	Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hoá đi xã Mai Hoá	Tiến Hoá Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		1,48	1,24	0,24		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 của HĐND huyện Tuyên Hoá về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường kết nối trục chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hoá đi xã Mai Hoá
5	Công trình hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới	Bắc Lý Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,28	0,04	0,24		Quyết định số 3042/QĐ -EVNCP ngày 12/5/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới; (điều chỉnh vị trí địa điểm thực hiện do sai sót)
II	<b>Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/3/2023</b>	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		12,99	0,80	12,19		
I	Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá	Thạch Hoá Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		13,56	1,10	12,46		
				3,19	0,05	3,14		Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
				3,19	0,19	3,00		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Các loại đất khác	Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ		
2	Đường nối từ Trung tâm Giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đông Lê, huyện Tuyên Hoá	Đã phê duyệt	Tuyên Hoá	3,16	0,40	2,76	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý	
		Nay điều chỉnh		3,16				0,54
3	Khu tái định cư khu vực đồng Cai tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Phú Định	4,46	4,46	5,00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	
		Nay điều chỉnh		5,00				5,00
4	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	0,50	0,50	0,53	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	
		Nay điều chỉnh		0,53				0,53
5	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	1,68	0,35	1,33	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	
		Nay điều chỉnh		1,68				0,37
III	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt	Đã phê duyệt	1,02	0,22	0,80		
		Nay điều chỉnh		1,26				0,24
1	Đường giao thông từ thôn 5 đi thôn 7 xã Trung Trạch	Đã phê duyệt	xã Trung Trạch	1,02	0,22	0,80	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của HĐND xã Trung Trạch về kế hoạch đầu tư công năm 2021	
		Nay điều chỉnh		1,26				0,24
IV	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã phê duyệt	Đã phê duyệt	0,85	0,85	0,88		
		Nay điều chỉnh		0,88				0,88
1	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	0,85	0,85	0,88	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	
		Nay điều chỉnh		0,88				0,88
Tổng cộng (I+II+III+IV): 12 Dự án				31,40	2,70	28,70		
				30,41	2,62	27,79		

Ghi chú: 12 dự án điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,  
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,  
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy  
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính Thông tư số 09/2021/TT-  
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi  
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
Luật Đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ  
sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa  
bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách  
và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung, điều chỉnh 15 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng  
đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích 31,44 ha, trong đó: 3,04 ha đất  
trồng lúa và 28,40 ha các loại đất khác, cụ thể:

1. Bổ sung mới 03 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2023 (trong đó có 01 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 1,03 ha, trong đó: 0,42 ha đất trồng lúa và 0,61 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh 12 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 08 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 30,41 ha, bao gồm: 2,62 ha đất trồng lúa và 27,79 ha các loại đất khác.

*(Chi tiết có tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày      tháng      năm 2023 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**

**Phụ lục 1**  
**BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
<b>A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA</b>							
<b>I</b>	<b>Huyện Lệ Thủy</b>			0,46	0,42		0,04
1	Đất ở tại nông thôn xã Mỹ Thủy	Mỹ Thủy	Lệ Thủy	0,46	0,42		0,04
<b>B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG</b> (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)							
<b>I</b>	<b>Huyện Lệ Thủy</b>			0,49			0,49
1	Đất ở tại nông thôn xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0,49			0,49
<b>II</b>	<b>Huyện Bố Trạch</b>			0,08			0,08
1	Đất ở khu vực thôn 1 xã Hà Trạch	Hà Trạch	Bố Trạch	0,08			0,08
<b>Tổng</b>				<b>1,03</b>	<b>0,42</b>		<b>0,61</b>

Ghi chú: 03 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

**ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022</b>	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		16,54	1,68		14,86
1	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã, từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		14,71	1,28		13,43
2	Di dời, hoàn trả hệ thống đường dây 22kV bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		12,40			12,40
3	Đất ở tại nông thôn xã Thái Thủy	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		12,34	0,04		12,30
4	Tuyến đường kết nối trực chính qua khu hạ tầng Tam Đa xã Tiến Hoá đi xã Mai Hoá	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		2,13	0,40		1,73
5	Công trình hoàn thiện sơ đồ thanh cái 110kV TBA 110kV Đồng Hới	Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,17	0,01		0,16
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,25			0,25
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,27			0,27
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		1,48	1,24		0,24
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		1,65	1,19		0,46
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,28	0,04		0,24
		Đã phê duyệt Nay điều chỉnh		0,28	0,04		0,24

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
II	Điều chỉnh 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	Đã phê duyệt		12,99	0,80		12,19
		Nay điều chỉnh		13,56	1,10		12,46
1	Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đã phê duyệt	Thạch Hoá	Tuyên Hoá	3,19	0,05	3,14
		Nay điều chỉnh			3,19	0,19	3,00
2	Đường nối từ Trung tâm Giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đông Lê, huyện Tuyên Hoá	Đã phê duyệt	Đông Lê	Tuyên Hoá	3,16	0,40	2,76
		Nay điều chỉnh			3,16	0,54	2,62
3	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Phú Định	Bố Trạch	4,46		4,46
		Nay điều chỉnh			5,00		5,00
4	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,50		0,50
		Nay điều chỉnh			0,53		0,53
5	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	1,68	0,35	1,33
		Nay điều chỉnh			1,68	0,37	1,31
III	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Đã phê duyệt		1,02	0,22		0,80
		Nay điều chỉnh		1,26	0,24		1,02
1	Đường giao thông từ thôn 5 đi thôn 7 xã Trung Trạch	Đã phê duyệt	Xã Trung Trạch	Bố Trạch	1,02	0,22	0,80
		Nay điều chỉnh			1,26	0,24	1,02

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
IV	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã phê duyệt		0,85			0,85
1	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,85			0,85
<b>Tổng cộng (I+II+III+IV): 12 Dự án</b>		Đã phê duyệt		31,40		2,70	28,70
		Nay điều chỉnh		30,41		2,62	27,79

Ghi chú: 12 dự án điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng